

Bản án số: 112/2018/DS-PT
Ngày: 07 – 9 – 2018
V/v tranh chấp về lỗi đi
đổi với bất động sản liền kề

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Bà Trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp về lỗi đi đổi với bất động sản liền kề.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 119/2018/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Đinh Minh H, sinh năm 1956 (*Vắng mặt*).

2. Bà Phan Thị Ánh T, sinh năm 1960 (*Có mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của ông Đinh Minh H: Bà Phan Thị Ánh T, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (*Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2017*).

- Bị đơn: Ông Trần Phong N, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Văn U, sinh năm 1955; cư trú tại: Ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (*Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14/10/2017*). Ông U có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn Á, sinh năm 1937; cư trú tại: Ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn Á: Ông Phan Văn U, sinh năm 1955; cư trú tại: Ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14/10/2017). Ông U có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1947 (*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

3. Bà Mai Thị Nguyệt Ô, sinh năm 1968 (*Vắng mặt*).

4. Chị Trần Thị Cẩm G, sinh năm 1991 (*Vắng mặt*).

5. Chị Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1994 (*Vắng mặt*).

6. Anh Trần Công U, sinh năm 1997 (*Vắng mặt*).

Cùng nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bà Mai Thị Nguyệt Ô, chị Trần Thị Cẩm G, chị Trần Thị Ngọc A, anh Trần Công U: Là ông Phan Văn U, sinh năm 1955; cư trú tại: Ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 16/4/2017). Ông U có mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo: Ông Trần Phong N là bị đơn.*

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 22/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Ánh T trình bày:*

Vợ chồng bà có quyền sử dụng một thửa đất số 462, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.530m², tọa lạc tại ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và đã được Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C766678, ngày 19/8/1994. Sau đó, vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông Đinh Hữu R một phần đất ngang 8m, dài 45,7m và thửa 461 của ông Đinh Minh O (*Chỉ làm giấy tay*). Do không có đường đi từ nhà ra các phần đất nêu trên nên từ trước đến nay gia đình bà đi nhờ phần đất của ông Trần Phong N, số thửa 460, tờ bản đồ 08 (*Tiếp giáp giữa nhà và phần đất của ông bà đang tranh chấp*). Đến tháng 5/2014, ông Trần Văn Á (*Cha của ông N*) tự ý rút cầu không cho gia đình bà đi nhờ trên phần đất này nữa, vì vậy gây cho gia đình bà rất nhiều khó khăn trong việc chăm sóc vườn và thu hoạch hoa lợi nên vợ chồng bà có thỏa thuận mua của ông Đinh Tuấn K đường đi qua đất ông K nhưng đến năm 2016 ông K rào lại không cho đi vì cho rằng vợ chồng bà chưa trả tiền. Nay bà yêu cầu hộ ông Trần Phong N phải dành cho gia đình bà một lối đi trên thửa đất 460 chiều ngang 1,5m, chiều dài hết phần đất khoảng 80m. Đồng thời, vợ chồng bà cũng đồng ý bồi hoàn cho hộ ông N số tiền là 5.000.000 đồng phần đường đi nêu trên.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Phong N là ông Phan Văn U trình bày:*

Thửa đất 460 trước đây là của ông L (*Chú ông H*), đến năm 1998 chuyển nhượng cho ông Trần Phong N và ông N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2014, ông N không cho gia đình ông H đi trên phần đất của ông N nữa nên ông H đã thỏa thuận mua của ông Đinh Tuấn K một phần đất làm đường đi. Đến năm 2017, ông K rào đường đi không cho gia đình ông H đi nữa nên ông H lại kiện ông N yêu cầu mở lối đi. Nay ông N không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì nguyên đơn đã có lối đi trên đất ông K, đồng thời ông N cũng có dự định cất nhà cho con ở nên nếu dành lối đi cho gia đình ông H sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông N.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Á, bà Ô, chị G, chị A, anh U là ông Phan Văn U trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông Trần Phong N và không có yêu cầu gì khác.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại bản án sơ thẩm số: 25/2018/HNGĐ-ST ngày 24/5/2018 đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 248, Điều 254 Bộ luật Dân sự 2015; căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Minh H và bà Phan Thị Ánh T về việc yêu cầu ông Trần Phong N dành một lối đi ra phần đất gia đình ông H, bà T đang canh tác.

- Buộc ông Trần Phong N, bà Mai Thị Nguyệt Ô, ông Trần Văn Q, chị Trần Thị Cẩm G, chị Trần Thị Ngọc A, anh Trần Công U dành cho gia đình ông Đinh Minh H và bà Phan Thị Ánh T một lối đi có chiều ngang 1,5m, chiều dài hết phần đất là 55,8m (*Trên lối đi đang sử dụng*) trên thửa đất số 460, tờ bản đồ 08, tọa lạc tại ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Vị trí, tứ cận cụ thể như sau:

Cạnh hướng đông trên phần đất của hộ ông N có số đo 55,8m, vị trí cách ranh giữa đất hộ ông N và đất bà Trần Tuyết V là 3,5m.

Cạnh hướng tây trên phần đất của hộ ông N có số đo 55,8m.

Cạnh hướng nam giáp ruộng nước chung là 1,5m.

Cạnh hướng bắc giáp đất ông Đinh Văn Y, số đo 1,5m.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đinh Minh H và bà Phan Thị Ánh T đồng ý bồi hoàn cho ông Trần Phong N, bà Mai Thị Nguyệt Ô, ông Trần Văn Q, chị Trần Thị Cẩm G, chị Trần Thị Ngọc A, anh Trần Công U giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên phần đất đường đi là 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/6/2018, bị đơn ông Trần Phong N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DS-ST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm

theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Minh H và bà Phan Thị Ánh T về việc yêu cầu gia đình ông mở lối đi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông bà Phan Thị Ánh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu hộ ông N mở lối đi cho gia đình bà chiều ngang 1,5m, chiều dài khoảng 55,8m và đồng ý bồi hoàn cho hộ ông N giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số tiền 5.000.000 đồng; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Phong N không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của ông Trần Phong N và căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bổ sung diện tích phần đất mở lối đi, bổ sung 02 đoạn còn lại của cạnh hướng tây và hướng bắc, bổ sung nghĩa vụ chậm thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Đinh Minh H, bị đơn ông Trần Phong N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Á, bà Mai Thị Nguyệt Ô, chị Trần Thị Cẩm G, chị Trần Thị Ngọc A, anh Trần Công U vắng mặt, nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa; ông Trần Văn Q vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Về nguồn gốc phần đất có diện tích 1.530m², thuộc thửa 460, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng được phía nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định là của hộ ông Trần Phong N, phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất tranh chấp đã được hòa giải theo đúng quy định tại Điều 202 Luật Đất đai năm 2013, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

[4] Xét đơn kháng cáo của ông Trần Phong N là yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Minh H và bà Phan Thị Ánh T về việc yêu cầu gia đình ông mở lối đi. Bởi vì, đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông được Nhà nước công nhận và cách đây khoảng 04 năm ông H, bà T đã mua lối đi của ông Đinh Tuấn K, nay ông K không cho đi nữa nên kiện gia đình ông yêu cầu mở lối đi là vô lý. Hơn nữa, lối đi qua đất ông không liền kề vì cách con mương có chiều ngang khoảng 03m. Thấy

rằng, qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/8/2018 và theo lời khai của ông K thì vào năm 2014 ông K có chuyển nhượng một đoạn lối đi cho ông H và bà T, đoạn giáp với lộ đāl có chiều ngang 01m, chiều dài 29,7m và cho đi nhờ đoạn lối đi liền kề tiếp giáp phía sau cũng có chiều ngang 01m, chiều dài 58m đến đất của ông H và bà T và giáp đất ông H, bà T cũng có con mương ngang khoảng 03m; tuy nhiên, phía ông H và bà T sử dụng lối đi này được khoảng hơn 01 năm là đến giữa năm 2016 thì không sử dụng lối đi này nữa, do việc sang nhượng đoạn lối đi giáp lộ đāl không thực hiện được và có tranh chấp; sau đó ông H và bà T có xin đi nhờ qua đất của ông S, đất của bà M, đất của bà D và qua đất của bà X, tổng chiều dài ra tới lộ đāl của lối đi này dài khoảng 500m và đi đến nhà của ông H, bà T khoảng 400m nữa; tại phiên tòa phúc thẩm bà T cho rằng những chủ đất cho bà đi nhờ hiện nay đã yêu cầu bà tìm lối đi khác. Qua 02 lối đi vừa nêu trên đều dài hơn so với lối đi mà ông H và bà T yêu cầu mở trên đất của hộ ông N, lối đi yêu cầu mở trên đất hộ ông N có chiều dài khoảng 55,8m, phía gia đình ông H, bà T sử dụng lối đi này một khoảng thời gian khá dài, điểm cuối lối đi ở hướng bắc là giáp đất ông Đinh Văn Y (*Cha ruột của ông H*) và đi tới nhà của ông H, bà T có chiều dài là 12m, lối đi này thuận tiện và hợp lý hơn các lối đi khác, không ảnh hưởng lớn cho phía gia đình ông N. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông N thừa nhận gia đình ông H, bà T đã sử dụng lối đi này từ trước năm 1985 (*Trước khi ông N nhận chuyển nhượng đất của ông L*) và sử dụng đến năm 2014, nên ông H, bà T yêu cầu mở lại lối đi cũ là hợp lý. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H và bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Phong N là không có căn cứ, nên HĐXX không chấp nhận.

[6] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không nêu diện tích lối đi được mở là bao nhiêu và khi tuyên về tứ cạnh của lối đi chưa đúng với kết quả đo đạc, thẩm định tại chỗ, cụ thể là ở cạnh hướng tây và cạnh hướng nam mỗi cạnh có hai đoạn, cấp sơ thẩm chỉ tuyên mỗi cạnh có một đoạn là thiếu sót, không đảm bảo cho quá trình thi hành án. Ngoài ra, trong phần quyết định của bản án có dùng những từ ngữ như “*Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đinh Minh H và bà Phan Thị Ánh T đồng ý bồi hoàn cho ... với số tiền là 5.000.000 đồng*” là chưa đầy đủ, nếu ông H và bà T không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì không thể ra quyết định thi hành án được, nên cần điều chỉnh thành “*Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đinh Minh H và bà Phan Thị Ánh T đồng ý bồi hoàn cho ông Trần Phong N, bà Mai Thị Nguyệt Ô, ông Trần Văn Q, chị Trần Thị Cẩm G, chị Trần Thị Ngọc A, anh Trần Công U giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên phần đất lối đi số tiền là 5.000.000 đồng, nếu ông H và bà T không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì buộc thực hiện để đảm bảo quá trình thi hành án*”. Đồng thời, bản án sơ thẩm không tuyên về lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là thiếu sót, nên cần sửa án sơ thẩm như vừa nhận định.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở giai đoạn phúc thẩm: Số tiền đã chi phí là 990.000 đồng, do yêu cầu kháng cáo của ông N không được chấp nhận nên ông N phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và ông N đã nộp xong.

[8] Do kháng cáo của ông N không được chấp nhận và việc sửa án sơ thẩm không liên quan đến nội dung kháng cáo, nên ông N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ14.

[9] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông N và đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm như vừa nhận định ở phần trên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Trần Phong N.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DS-ST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Minh H và bà Phan Thị Ánh T về việc yêu cầu hộ ông Trần Phong N dành một lối đi ra phần đất gia đình ông H, bà T đang canh tác.*

- *Buộc ông Trần Phong N, bà Mai Thị Nguyệt Ô, ông Trần Văn Q, chị Trần Thị Cẩm G, chị Trần Thị Ngọc A, anh Trần Công U dành cho gia đình ông Đinh Minh H và bà Phan Thị Ánh T một lối đi với diện tích 87,3m², có chiều ngang 1,5m, chiều dài hết phần đất cạnh dài nhất là 55,8m và có đoạn gấp khúc (Trên lối đi đã sử dụng) thuộc thửa đất số 460, tờ bản đồ 08, tọa lạc tại ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cạnh như sau:*

Cạnh hướng đông trên phần đất của hộ ông N có số đo 55,8m (Vị trí cách ranh giữa đất hộ ông N và đất bà Trần Tuyết V là 3,55m).

Cạnh hướng tây có hai cạnh, cạnh thứ nhất trên phần đất của hộ ông N có số đo 54,3m, cạnh thứ hai giáp đất ông H và bà T có số đo 1,5m.

Cạnh hướng nam giáp ruộng nước chung và phần đất còn lại của hộ ông N có số đo là 3,9m.

Cạnh hướng bắc có hai cạnh, cạnh thứ nhất giáp đất ông Đinh Văn Y có số đo 1,5m, cạnh thứ hai giáp với phần đất còn lại của hộ ông N có số đo 2,4m.

(Đính kèm sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/8/2018).

- *Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đinh Minh H và bà Phan Thị Ánh T đồng ý bồi hoàn cho ông Trần Phong N, bà Mai Thị Nguyệt Ô, ông Trần Văn Q, chị Trần Thị Cẩm G, chị Trần Thị Ngọc A, anh Trần Công U giá trị quyền sử dụng đất và tài*

sản trên phần đất lối đi số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), nếu ông H và bà T không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì buộc thực hiện để đảm bảo quá trình thi hành án.

Kể từ ngày ông Trần Phong N, bà Mai Thị Nguyệt Ô, ông Trần Văn Q, chị Trần Thị Cẩm G, chị Trần Thị Ngọc A, anh Trần Công U có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Đinh Minh H và bà Phan Thị Ánh T còn phải trả lãi cho ông N, bà Ô, ông Q, chị G, chị A, anh U theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở giai đoạn phúc thẩm: Tổng chi phí số tiền 990.000 đồng, ông Trần Phong N phải chịu và đã nộp xong.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Phong N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002316 ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông N đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn

